

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST

Ngày 01-12-2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tám;

Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 449/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Thùy T trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N chung sống vợ chồng từ năm 1991, không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N không có trách nhiệm và

không chăm lo kinh tế gia đình, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông N.

2. Về con chung: Bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N có 02 con chung tên Huỳnh Chí K, sinh năm 1992 đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi mình nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết và Huỳnh Như L, sinh ngày 29/11/2000. Hiện nay, cháu L đang sống chung với bà T nên bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn N trình bày:

1. Về hôn nhân: Quá trình chung sống vợ chồng giữa ông và bà T là đúng như lời bà T trình bày nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T ngoại tình nên ông không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Ông N và bà T có 02 con chung như lời bà T trình bày, con chung tên Huỳnh Chí K, sinh năm 1992 đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi mình nên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông đồng ý giao bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Như L, sinh ngày 29/11/2000, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1991, không đăng ký kết hôn. Bà T và ông N có 02 con chung tên Huỳnh Chí K, sinh năm 1992 và Huỳnh Như L, sinh ngày 29/11/2000, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà T, ông N là vợ chồng.

Bà Trương Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Bà Trương Thị Thùy T, ông Huỳnh Văn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

[2] Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn nên việc chung sống của bà T và ông N không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N là vợ chồng, là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N thống nhất có 02 con chung tên Huỳnh Chí K, sinh năm 1992 và Huỳnh Như L, sinh ngày 29/11/2000.

Cháu K đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi mình, bà T và ông N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà T, ông N thoả thuận giao cháu Huỳnh Như L cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông N không cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được giải thích về quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng bà vẫn không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thoả thuận của bà T và ông N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu L, đúng với quy định tại các Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trương Thị Thùy T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao bà Trương Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Như L, sinh ngày 29/11/2000. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Ông N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Thùy T và ông Huỳnh Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Thùy T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004562 ngày 04/10/2017. Bà T đã thực hiện xong việc đóng án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn